

<p>71. Kinh Tam Minh Vacchagotta</p>	<p>71. To Vacchagotta on the Threefold True Knowledge (Tevijjavacchagotta Sutta)</p>
<p>Khái quát Nội dung Kinh (Tác giả: TT. Thích Nhật Từ)</p>	<p>A Summary of the Sutta (Author: Bhikkhu Bodhi)</p>
<p>71. Kinh Ba minh Vacchagotta (P. <i>Tevijjavacchagotta-suttam</i>, H. 婆蹉衢多三明經).⁷² Đức Phật cho rằng những gì mà Ngài đạt được, thực chất là 3 tuệ giác (Tam minh) gồm tuệ giác quá khứ của bản thân, tuệ giác về tái sinh của hữu tình, và tuệ giác về sự chấm dứt khổ đau trong hiện tại. Đồng thời, đức Phật khẳng định trí "biết hết mọi thứ" (nhất thiết trí) trong lúc thức và lúc ngủ (nếu không có tác ý hướng tâm đến đối tượng) là không có thật. Giải thoát, theo đức Phật, thực chất là giải thoát tâm khỏi trói buộc (tâm giải thoát) và giải thoát bằng trí tuệ (tuệ giải thoát).</p>	<p>71. <i>Tevijjavacchagotta Sutta: To Vacchagotta on the Threefold True Knowledge.</i> The Buddha denies possessing complete knowledge of everything at all times and defines the threefold knowledge he does possess.</p>
<p>Việt Dịch từ Pāli: HT. Thích Minh Châu</p>	<p>English Translation from Pāli: Bhikkhu Ñāṇamoli & Bhikkhu Bodhi</p>
<p>Như vậy tôi nghe. Một thời Thế Tôn ở Vesālī (Tỳ-xá-ly) rừng Đại Lâm, tại Kutagarasala (Giảng đường Trùng Các). Lúc bấy giờ, du sĩ ngoại đạo Vacchagotta ở tại Ekapundarika, vườn các du sĩ ngoại đạo. Thế Tôn buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào Vesali để khát thực. Rồi Thế Tôn suy nghĩ như sau: "Nay còn quá sớm để đi vào Vesālī khát thực. Ta hãy đi đến Ekapundarika, vườn các du sĩ ngoại đạo, đi đến du sĩ ngoại đạo Vacchagotta".</p>	<p>1. THUS HAVE I HEARD. On one occasion the Blessed One was living at Vesālī in the Great Wood in the Hall with the Peaked Roof. 2. Now on that occasion the wanderer Vacchagotta was staying in the Wanderers' Park of the Single White-lotus Mango Tree.⁷¹² 3. Then, when it was morning, the Blessed One dressed, and taking his bowl and outer robe, went into Vesālī for alms. Then the Blessed One thought: "It is still too early to wander for alms in Vesālī. Suppose I went to the wanderer Vacchagotta in the Wanderers' Park of the Single White-lotus Mango Tree."</p>

Rồi Thế Tôn đi đến Ekapundarika, vườn các du sĩ ngoại đạo, đi đến du sĩ ngoại đạo Vacchagotta. Du sĩ ngoại đạo Vacchagotta thấy Thế Tôn từ đằng xa đi đến, khi thấy vậy, liền nói với Thế Tôn:

-- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy đến; bạch Thế Tôn, thiện lai, bạch Thế Tôn! Bạch Thế Tôn, đã từ lâu, Thế Tôn mới có dịp này, tức là đến tại đây, bạch Thế Tôn, mời Thế Tôn ngồi. Đây là chỗ đã soạn sẵn.

Thế Tôn ngồi trên ghế đã soạn sẵn. Du sĩ ngoại đạo Vacchagotta lấy một ghế thấp khác và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, du sĩ Vacchagotta bạch Thế Tôn:

-- Bạch Thế Tôn, con nghe như sau: 'Sa-môn Gotama là bậc nhứt thiết trí, là bậc nhứt thiết kiến. Ngài tự cho là có tri kiến hoàn toàn: "Khi Ta đi, khi Ta đứng, khi Ta ngủ và khi Ta thức, tri kiến luôn luôn tồn tại, liên tục"'.
Bạch Thế Tôn, những ai nói như sau: "Sa-môn Gotama là bậc nhứt thiết trí, là bậc nhứt thiết kiến. Ngài tự cho là có tri kiến hoàn toàn: "Khi Ta đi, khi Ta đứng, khi Ta ngủ và khi Ta thức, tri kiến luôn luôn tồn tại liên tục".

Bạch Thế Tôn, những vị ấy nói về Thế Tôn có đúng với điều đã được nói, những vị ấy không vu khống Thế Tôn với điều không thực, nhưng đã giải thích về Thế Tôn đúng pháp và tùy pháp, và không một đồng pháp hành nào nói lời đúng pháp có thể lấy có để quở trách?

-- Này Vaccha, những ai nói như sau: 'Sa-môn Gotama là

4. Then the Blessed One went to the wanderer Vacchagotta in the Wanderers' Park of the Single White-lotus Mango Tree. The wanderer Vacchagotta saw the Blessed One coming in the distance and said to him:

"Let the Blessed One come, venerable sir! Welcome to the Blessed One! It is long since the Blessed One found an opportunity to come here. Let the Blessed One be seated; this seat is ready."

The Blessed One sat down on the seat made ready, and the wanderer Vacchagotta [482] took a low seat, sat down at one side, and said to the Blessed One:

5. "Venerable sir, I have heard this: 'The recluse Gotama claims to be omniscient and all-seeing, to have complete knowledge and vision thus: "Whether I am walking or standing or sleeping or awake, knowledge and vision are continuously and uninterruptedly present to me."⁷¹³

Venerable sir, do those who speak thus say what has been said by the Blessed One, and not misrepresent him with what is contrary to fact?

Do they explain in accordance with the Dhamma in such a way that nothing which provides a ground for censure can be legitimately deduced from their assertion?"

"Vaccha, those who say thus do not say what has been

bạc nhứt thiết trí, là bạc nhứt thiết kiến. Ngài tự cho là có tri kiến hoàn toàn: "Khi Ta đi, khi Ta đứng, khi Ta ngủ và khi Ta thức, tri kiến luôn luôn tồn tại, liên tục".

Thì đây là họ nói về Ta không đúng với điều đã được nói, họ đã vu khống Ta với điều không thực, hư ngụy.

-- Phải giải thích như thế nào, bạch Thế Tôn, chúng con mới nói về Thế Tôn đúng với điều đã được nói, chúng con không vu khống Thế Tôn với điều không thực, chúng con mới giải thích về Thế Tôn đúng pháp và tùy pháp; và không một đồng pháp hành nào nói lời đúng pháp có thể lấy cớ để quở trách?

-- Ông phải giải thích: "Sa-môn Gotama là bậc có ba minh (tevijja)", thì này Vaccha, Ông mới là người nói về Thế Tôn đúng với điều đã được nói, mới không vu khống Thế Tôn với điều không thực,

mới giải thích về Thế Tôn đúng pháp và tùy pháp, và mới không có một đồng pháp hành nào nói lời đúng pháp có thể lấy cớ để quở trách.

Này Vaccha, khi nào Ta muốn, Ta sẽ nhớ đến nhiều đời sống quá khứ, như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, hai mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp.

Ta nhớ rằng: "Tại chỗ kia, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này.

Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh ra tại chỗ nọ. Tại chỗ ấy, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, thọ khổ lạc như thế này,

said by me, but misrepresent me with what is untrue and contrary to fact."⁷¹⁴

6. "Venerable sir, how should I answer that I may say what has been said by the Blessed One and not misrepresent him with what is contrary to fact? How may I explain in accordance with the Dhamma in such a way that nothing which provides a ground for censure can be legitimately deduced from my assertion?"

"Vaccha, if you answer thus: 'The recluse Gotama has the threefold true knowledge,' you will be saying what has been said by me and will not misrepresent me with what is contrary to fact.

You will explain in accordance with the Dhamma in such a way that nothing which provides a ground for censure can be legitimately deduced from your assertion.

7. "For in so far as I wish, I recollect my manifold past lives, that is, one birth, two births... (as *Sutta 51, §24*)..."

tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở đây".

Như vậy Ta sẽ nhớ đến những đời sống quá khứ, cùng với các nét đại cương và các chi tiết.

Này Vaccha, nếu Ta muốn, với thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, Ta thấy sự sống chết của chúng sanh, người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ.

Ta nghĩ rằng: "Thật sự những vị chúng sanh này thành tựu những ác hạnh về thân, thành tựu những ác hạnh về lời nói, thành tựu những ác hạnh về ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến.

Những người này, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Còn những vị chúng sanh này thành tựu những thiện hạnh về thân, thành tựu những thiện hạnh về lời nói, thành tựu những thiện hạnh về ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến,

những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các thiện thú, Thiên giới, trên đời này".

Như vậy, Ta với thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống chết của chúng sanh. Ta tuệ tri rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ.

Này Vaccha, với sự đoạn diệt các lậu hoặc, Ta ngay trong hiện tại, tự mình với thượng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú, vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát.

Thus with their aspects and particulars I recollect my manifold past lives.

8. "And in so far as I wish, with the divine eye, which is purified and surpasses the human, I see beings passing away and reappearing, inferior and superior, fair and ugly, fortunate and unfortunate, and I understand how beings pass on according to their actions... (as *Sutta 51, §25*)...

9. "And by realising for myself with direct knowledge, I here and now enter upon and abide in the deliverance of mind and deliverance by wisdom that are taintless with the

Và với sự giải thích: "Sa-môn Gotama là bậc có ba minh", này Vaccha, người ấy mới là người nói về Thế Tôn đúng với điều đã được nói, mới không vu khống Thế Tôn với điều không thực,

mới giải thích về Thế Tôn đúng pháp và tùy pháp, và mới không có một vị đồng hành pháp nào nói lời đúng pháp có thể lấy có để quở trách.

Khi được nói vậy, du sĩ Vacchagotta bạch Thế Tôn:

-- Tôn giả Gotama, có thể có vị tại gia nào không đoạn trừ kiết sử tại gia mà khi thân hoại mạng chung lại có thể đoạn tận khổ đau?

-- Này Vaccha, không có người tại gia nào không đoạn trừ kiết sử tại gia mà khi thân hoại mạng chung lại có thể đoạn tận khổ đau.

-- Tôn giả Gotama, có thể có người tại gia nào không đoạn trừ kiết sử tại gia mà khi thân hoại mạng chung lại có thể sanh Thiên?

-- Không phải chỉ một trăm, này Vaccha, không phải hai trăm, không phải ba trăm, không phải bốn trăm, không phải năm trăm, nhưng nhiều hơn như vậy là những người tại gia không đoạn trừ kiết sử tại gia mà khi thân hoại lại có thể sanh Thiên.

-- Tôn giả Gotama, có hạng tà mạng ngoại đạo nào, sau khi thân hoại mạng chung có thể diệt tận khổ đau?

destruction of the taints.

10. "If you answer thus: 'The recluse Gotama has the threefold true knowledge,' [483] you will be saying what has been said by me and will not misrepresent me with what is contrary to fact.

You will explain in accordance with the Dhamma in such a way that nothing which provides a ground for censure can be legitimately deduced from your assertion."

11. When this was said, the wanderer Vacchagotta asked the Blessed One:

"Master Gotama, is there any householder who, without abandoning the fetter of householdership, on the dissolution of the body has made an end of suffering?"⁷¹⁵

"Vaccha, there is no householder who, without abandoning the fetter of householdership, on the dissolution of the body has made an end of suffering."

12. "Master Gotama, is there any householder who, without abandoning the fetter of householdership, on the dissolution of the body has gone to heaven?"

"Vaccha, there are not only one hundred or two or three or four or five hundred, but far more householders who, without abandoning the fetter of householdership, on the dissolution of the body have gone to heaven."

13. "Master Gotama, is there any Ājīvaka who, on the dissolution of the body, has made an end of suffering?"⁷¹⁶

-- Này Vaccha, không có một tà mạng ngoại đạo nào, sau khi thân hoại mạng chung có thể diệt tận khổ đau.

-- Tôn giả Gotama, có hạng tà mạng ngoại đạo nào, sau khi thân hoại mạng chung có thể sanh Thiên?

-- Này Vaccha, dầu cho ta có nhớ đến 91 kiếp, Ta không biết một tà mạng ngoại đạo nào đã sanh Thiên, trừ một vị, và vị này thuyết về nghiệp và thuyết về tác dụng của nghiệp.

-- Sự việc là như vậy, Tôn giả Gotama, thời ngoại đạo giới này (*titthayatanan*) là trống không cho đến vấn đề sanh Thiên.

-- Sự việc là như vậy, này Vaccha, thời ngoại đạo giới này là trống không cho đến vấn đề sanh Thiên.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Du sĩ ngoại đạo Vacchagotta hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

“Vaccha, there is no Ājīvaka who, on the dissolution of the body, has made an end of suffering.”

14. “Master Gotama, is there any Ājīvaka who, on the dissolution of the body, has gone to heaven?”

“When I recollect the past ninety-one aeons, Vaccha, I do not recall any Ājīvaka who, on the dissolution of the body, went to heaven, with one exception, and he held the doctrine of the moral efficacy of action, the doctrine of the moral efficacy of deeds.”⁷¹⁷

15. “That being so, Master Gotama, that sectarian fold is empty even of one who goes to heaven.”

“That being so, Vaccha, that sectarian fold is empty even of one who goes to heaven.”

That is what the Blessed One said. The wanderer Vacchagotta was satisfied and delighted in the Blessed One’s words.

Notes

The bracketed numbers [] embedded in the text refer to the page number of the Pali Text Society’s edition of the *Majjhima Nikāya* (except for MN 92 and MN 98, wherein the numbers refer to the PTS edition of the Sutta Nipāta).

712. This sutta and the following two seem to present a chronological account of Vacchagotta’s spiritual evolution.

The Saṃyutta Nikāya contains a whole section of short discussions between the Buddha and Vacchagotta, SN 33/iii.257–62. See also SN 44:7–11/iv.391–402.

713. This is the type of omniscience that the Jain teacher the Nigaṇṭha Nātaputta claims at MN 14.17.

714. MA explains that even though part of the statement is valid, the Buddha rejects the entire statement because of the portion that is invalid. The part of the statement that is valid is the assertion that the Buddha is omniscient and all-seeing; the part that is excessive is the assertion that knowledge and vision are continuously present to him. According to the Theravāda exegetical tradition the Buddha is omniscient in the sense that all knowable things are potentially accessible to him. He cannot, however, know everything simultaneously and must advert to whatever he wishes to know. At MN 90.8 the Buddha says that it is possible to know and see all, though not simultaneously, and at AN 4:24/ii.24 he claims to know all that can be seen, heard, sensed, and cognized. This is understood by the Theravāda commentators as an assertion of omniscience in the qualified sense. See too in this connection Miln 102–7.

715. MA explains “the fetter of householdership” (*gihisaṃyojana*) as attachment to the requisites of a householder, which MṬ details as land, ornaments, wealth, grain, etc. MA says that even though the texts mention some individuals who attained arahantship as laymen, by the path of arahantship they destroyed all attachment to worldly things and thus either went forth as monks or passed away immediately after their attainment. The question of lay arahants is discussed at Miln 264.

716. On the Ājīvakas see n.73.

717. Since this Ājīvaka believed in the moral efficacy of action, he could not have subscribed to the orthodox philosophical fatalism of the Ājīvakas, which denied the effective role of kamma and volitional deeds in modifying human destiny. MA identifies this Ājīvaka with the Bodhisatta in a previous birth.